

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực phát triển đô thị của ngành Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-BXD ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 86/TTr-SXD ngày 19 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành; 02 thủ tục hành chính nội bộ được thay thế trong lĩnh vực phát triển đô thị của ngành Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TCD, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

**Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

I. Danh mục TTHC nội bộ mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
I	Lĩnh vực: Phát triển đô thị
1	Phê duyệt chương trình phát triển đô thị

II. Danh mục TTHC nội bộ được thay thế

STT	Mã TTHC tại Quyết định của Bộ	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	Lĩnh vực: Phát triển đô thị				
1	6.001427	Thẩm định đề án phân loại đô thị loại I, II, III và loại IV	Công nhận đô thị loại II, loại III	- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. - Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.	UBND tỉnh
2	6.001428	Thẩm định báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị, báo cáo	Công nhận trình độ phát	- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban	UBND tỉnh

		đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị	triển đô thị	Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. - Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.	
--	--	--	-----------------	--	--

Phần II.

NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục: Phê duyệt chương trình phát triển đô thị

a) Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.

b) Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng lập báo cáo đề xuất xây dựng chương trình phát triển đô thị, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Sở Xây dựng trực tiếp xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng chương trình phát triển đô thị và lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các phường, đặc khu được xác định là đô thị hoặc các xã, đặc khu dự kiến thành đô thị và các cơ quan liên quan khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng hoàn thiện chương trình và gửi hồ sơ chương trình phát triển đô thị đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình phát triển đô thị.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị theo Mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

d) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị bao gồm: (i) Tờ trình của Sở Xây dựng; (ii) Dự thảo chương trình phát triển đô thị; (iii) Bảng tổng hợp kết quả giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình phát triển đô thị gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; (ii) Bảng tổng hợp kết quả giải trình, tiếp thu ý kiến.

đ) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

e) Thời hạn giải quyết:

Tối đa 30 ngày làm việc (không tính thời gian xây dựng dự thảo chương trình phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh họp thông qua chương trình phát triển đô thị).

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị theo Mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

k) Phí, lệ phí: Không quy định.

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề cương xây dựng chương trình phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 02 của Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc xây dựng chương trình phát triển đô thị phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh, thành phố, quy hoạch đô thị và nông thôn, kế hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển vùng kinh tế, quy hoạch sử dụng đất có liên quan đến phát triển đô thị và khả năng huy động nguồn lực thực tế tại địa phương;

- Đáp ứng các yêu cầu về phát triển đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai theo quy định.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

Mẫu số 01. Đề cương xây dựng chương trình phát triển đô thị

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Lý do và sự cần thiết (căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn).
2. Phạm vi, thời hạn, trách nhiệm cơ quan lập, thực hiện, phối hợp trong chương trình phát triển đô thị.
3. Các yêu cầu, nội dung khác về chương trình phát triển đô thị theo tình hình thực tế địa phương.

Phần II. Thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn

1. Hiện trạng hệ thống đô thị
 - Nêu hiện trạng đô thị trên địa bàn (số lượng, danh mục, loại đô thị hiện hữu); danh mục theo loại đô thị; tỷ lệ đô thị hóa; tốc độ tăng dân số đô thị; vai trò, chức năng của các đô thị trong tỉnh, thành phố.
 - Hiện trạng không gian và phân bố đô thị về quy mô, ranh giới và cấu trúc không gian các đô thị; phân bố dân cư, đất xây dựng đô thị; mối quan hệ đô thị - nông thôn; mức độ phát triển đô thị theo quy hoạch; tình trạng mở rộng đô thị, phát triển dần trải (nếu có).
2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị về giao thông đô thị và kết nối liên đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; cấp điện, chiếu sáng đô thị; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và phát triển đô thị thông minh (nếu có)...
3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội đô thị về các loại hình nhà ở; các công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; không gian công cộng, cây xanh đô thị....
4. Hiện trạng môi trường đô thị, thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu (các tác động về ngập úng, ô nhiễm, suy giảm không gian xanh,...).
5. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị kỳ trước
 - Kết quả đạt được: Đánh giá cụ thể về mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chính của chương trình; kết quả đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang và phát triển mới các đô thị; kết quả công nhận loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị; kết quả thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị.
 - Đánh giá tác động của chương trình đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố; nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, quản lý quy hoạch - xây dựng đến đời sống dân cư đô thị.
6. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình gồm thể chế, chính sách; công tác quy hoạch; nguồn lực; tổ chức thực hiện.

Phần III. Nội dung chương trình phát triển đô thị

1. Mục tiêu: các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể trong kỳ chương trình của địa phương.
2. Định hướng trong kỳ thực hiện chương trình

Các định hướng phát triển hệ thống đô thị; tổ chức không gian đô thị; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội; định hướng bảo vệ môi trường, phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu (dự báo theo kịch bản biến đổi khí hậu); định hướng huy động nguồn lực và quản lý thực hiện.

3. Dự kiến các chỉ tiêu phát triển đô thị, bao gồm:

- Một số chỉ tiêu phát triển đô thị chủ yếu.
- Lộ trình công nhận các đô thị mới, nâng loại đô thị, mở rộng đô thị (nếu có) trong kỳ chương trình.
- Chỉ tiêu về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.
- Các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh khác do địa phương quyết định (lựa chọn phù hợp đặc thù phát triển của tỉnh).

4. Các nhiệm vụ, giải pháp, dự án thực hiện

- Các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp tổ chức phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật và thực tế của địa phương; giải pháp quy hoạch, cơ chế, nguồn lực, tài chính, tín dụng, thủ tục hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trường hợp có nội dung liên quan đến cơ chế hoặc nguồn lực của Trung ương thì trong chương trình cần có đề xuất cụ thể về cơ chế, cơ quan bố trí nguồn lực, thời gian thực hiện; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Dự kiến các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp quốc gia hoặc khu vực phục vụ các hoạt động của khu vực, quốc tế (nếu có); công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp đô thị.

- Xác định các nội dung về đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và tổ chức không gian đô thị để hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị hoặc nâng cao hơn so với quy định.

- Đối với tỉnh dự kiến trở thành đô thị loại I thì bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thời gian và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc đầu tư phát triển đô thị để đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

5. Các nội dung khác theo tình hình thực tế của địa phương.

Phần IV. Đề xuất, kiến nghị

B. PHỤ LỤC

I. Phụ lục các văn bản: là các văn bản liên quan đến căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý để lập chương trình phát triển đô thị.

II. Các bảng biểu phụ lục:

1. Danh mục các đô thị theo phân loại đô thị; danh mục các xã, đặc khu dự kiến thành đô thị; đô thị mới (nếu có), đô thị mở rộng (nếu có), đặc khu (nếu có) trong kỳ của chương trình.

2. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng để phát triển đô thị sử dụng vốn đầu tư công và sử dụng vốn khác.

3. Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chương trình.

4. Các số liệu liên quan đến chương trình phát triển đô thị được xác định trong thời gian tổ chức khảo sát, đánh giá, xây dựng chương trình.

Mẫu số 02. Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị**ỦY BAN NHÂN DÂN...(1)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

.....(3), ngày ... tháng ... năm(2)

QUYẾT ĐỊNH

.....(4)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số*;*Căn cứ*(5);*Theo đề nghị của*(6).**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. (Tên của điều)**

1. Mục tiêu, định hướng.

2. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị

3. Lộ trình công nhận các đô thị mới, nâng loại đô thị, mở rộng đô thị (nếu có) trong kỳ chương trình.

4. Một số yêu cầu phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

5. Các chương trình, đề án, dự án để thực hiện chương trình.

6. Các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện

Điều ... (Tên của điều)

1

a)

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,(7). A.XX(8)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên tỉnh, thành phố ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên địa danh tỉnh, thành phố ban hành quyết định.

(4) Tên gọi của quyết định.

(5) Tên của văn bản là căn cứ ban hành văn bản.

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

2. Thủ tục: Công nhận đô thị loại II, loại III

a) Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.

b) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị trong trường hợp công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới trong 01 đơn vị hành chính cấp xã đó; trường hợp thuê đơn vị tư vấn lập đề án thì thực hiện theo pháp luật về đấu thầu.

- Đơn vị lập đề án tổ chức khảo sát, lập đề án và báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị. Trường hợp đơn vị lập đề án không phải là Sở Xây dựng thì sau khi hoàn thành dự thảo thuyết minh đề án, đơn vị lập đề án gửi lấy ý kiến của Sở Xây dựng về dự thảo thuyết minh đề án; trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản góp ý. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, đơn vị lập đề án phải hoàn thiện dự thảo thuyết minh đề án.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thuyết minh đề án đã được hoàn thiện, Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát hồ sơ; nếu hồ sơ đủ điều kiện thì gửi hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức thẩm định.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành để tổ chức thẩm định đề án.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Hội đồng thẩm định liên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận đô thị loại II hoặc loại III.

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

d) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề án gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức thẩm định bao gồm: (i) Tờ trình của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Đề án công nhận loại đô thị bao gồm thuyết minh đề án theo đề cương quy định tại Mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP và video minh họa thực trạng phát triển của đô thị; (iii) Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực thực hiện phân loại đô thị theo đề cương quy định tại Mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định

số 35/2026/NĐ- CP (áp dụng trong trường hợp có nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị).

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Thuyết minh đề án đã được hoàn thiện.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

e) Thời hạn giải quyết:

Tối đa 69 ngày làm việc (không tính thời gian lập đề án, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh họp thông qua đề án).

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận đô thị loại II hoặc loại III theo Mẫu số 04 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

k) Phí, lệ phí: Không quy định.

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề án công nhận đô thị loại II hoặc loại III theo đề cương quy định tại Mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành quy định tại Mẫu số 07 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định công nhận đô thị loại II, loại III quy định tại Mẫu số 04 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không quy định.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

Mẫu số 03. Đề cương đề án công nhận loại đô thị loại II hoặc loại III

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Sự cần thiết.
2. Căn cứ pháp lý.
3. Phạm vi lập đề án.

Phần II. Phần nội dung đề án

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đô thị.
2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt.
3. Đánh giá phân loại đô thị loại II hoặc loại III quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, nội dung đánh giá như sau:
 - Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;
 - Mức độ đô thị hóa;
 - Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;
 - Tổng hợp thông tin, số liệu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về phân loại đô thị loại II hoặc loại III (Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị).
4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:
 - a) Đối với đô thị có phạm vi ranh giới thuộc 01 đơn vị hành chính cấp xã thì đánh giá đạt trình độ phát triển đô thị theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 yêu cầu tối thiểu đạt 75 điểm của loại đô thị tương ứng, nội dung đánh giá như sau:
 - Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;
 - Mức độ đô thị hóa;
 - Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;
 - Bảng tổng hợp đánh giá tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị đạt yêu cầu theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.
 - b) Đối với đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã thì đánh giá trình độ phát triển đô thị cho từng đơn vị hành chính theo Mục III tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 bảo đảm có điểm trung bình đạt 48 điểm và có ít nhất 01 đơn vị hành chính cấp xã đạt 75 điểm của loại đô thị tương ứng. Nội dung đánh giá như sau:
 - Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu đối với đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị về: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; mức độ đô thị hóa; mức độ đáp ứng trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị.
 - Mức độ đáp ứng trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đối với từng đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị.

- Bảng tổng hợp đánh giá tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị đạt yêu cầu theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

- Bảng tổng hợp đánh giá tiêu chuẩn các đơn vị hành chính trong đô thị theo Mục III Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

Phần III. Kết luận và kiến nghị

B. PHỤ LỤC

1. Văn bản pháp lý:

- Các quyết định phê duyệt quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu;

- Các quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị (nếu có);

- Các quyết định công nhận đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị đạt trình độ phát triển đô thị theo loại tương ứng;

- Các văn bản khác có liên quan đến định hướng phát triển đô thị trên địa bàn.

2. Ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm: sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng (01 bản), sơ đồ phạm vi ranh giới toàn đô thị và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), sơ đồ định hướng phát triển không gian (01 bản), bản đồ quy hoạch giai đoạn ngắn hạn (02 bản thể hiện các nội dung quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật).

4. Bảng biểu số liệu liên quan:

- Số liệu đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II hoặc loại III;

- Số liệu đánh giá phân loại đô thị các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đô thị loại II hoặc loại III.

(Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố).

C. Video hình ảnh minh họa thực trạng phát triển của đô thị (khoảng 20 phút).

Mẫu số 07. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Của Hội đồng thẩm định liên ngành về Đề án công nhận đô thị/Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị ... [Ghi tên tỉnh; Ghi tên đô thị trực thuộc tỉnh/thành phố đối với đô thị loại II, loại III/Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc đô thị] là đô thị loại/đạt trình độ phát triển trong đô thị loại ... [Ghi loại đô thị]

Các nội dung chi tiết gồm:

1. Sự cần thiết phân loại đô thị.
2. Căn cứ pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.
3. Trình tự thủ tục lập và thành phần hồ sơ đề án/báo cáo.
4. Góp ý cụ thể vào các nội dung của đề án/báo cáo.
5. Điểm đánh giá trung bình của các thành viên Hội đồng thẩm định liên ngành.
6. Kết luận, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
-;
- Lưu: VT,...²,...³.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH⁴**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ghi rõ chức danh, tên người ký)

¹ Đối với trường hợp thẩm định công nhận đô thị loại I: Bộ Xây dựng; đối với trường hợp thẩm định công nhận đô thị loại II, III và Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

² Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

³ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

⁴ Sử dụng dấu của Bộ Xây dựng đối với đô thị loại I; sử dụng dấu của cơ quan chuyên môn được giao là thường trực Hội đồng thẩm định liên ngành đối với đô thị loại II, III; sử dụng dấu của Sở Xây dựng đối với Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.

Mẫu số 04. Quyết định công nhận đô thị loại II, loại III**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Công nhận đô thị ... [Ghi tên đô thị]¹ thuộc tỉnh/thành phố [Ghi tên tỉnh] là đô thị loại****...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...***Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan] về phân loại đô thị];**Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thực hiện công nhận];**Xét đề nghị của ... [Cơ quan trình đề án công nhận loại đô thị] ... tại Tờ trình ... [Ghi số Tờ trình và ngày tháng năm];***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công nhận đô thị ... [Ghi tên đô thị] trực thuộc tỉnh [Ghi tên tỉnh] là đô thị loại**Điều 2.** Phạm vi ranh giới công nhận đô thị ... [Ghi tên đô thị] có tổng diện tích tự nhiên là ... [Ghi cụ thể diện tích theo ranh giới hành chính, đơn vị tính là km²], gồm các phường/xã: ... [Liệt kê các phường, đặc khu là đô thị và phân loại đô thị]. Dân số năm ... [Ghi theo năm có Tờ trình] là ... người.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.*[Ghi cụ thể các cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định] ... và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.***TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
(Ghi rõ chức danh, tên người ký)**Nơi nhận:**

- Như Điều ...;
-
- Lưu: VT,...²,...³.

¹ Tên đô thị được xác định theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.² Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).³ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

3. Thủ tục: Công nhận trình độ phát triển đô thị

a) Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.

b) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị trong phạm vi ranh giới địa bàn quản lý và gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Xây dựng về dự thảo báo cáo.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng phải gửi văn bản góp ý về Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện báo cáo và trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện báo cáo và có Tờ trình kèm theo dự thảo báo cáo gửi Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận trình độ phát triển đô thị.

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

d) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã, gửi Sở Xây dựng bao gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Dự thảo báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị theo đề cương quy định tại Mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; (iii) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị; (iv) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành; (v) Bảng tổng hợp điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định liên ngành.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

e) Thời hạn giải quyết:

Tối đa 73 ngày làm việc (không tính thời gian lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp xã họp thông qua báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị).

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị theo Mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

k) Phí, lệ phí: Không quy định

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề cương báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành quy định tại Mẫu số 07 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 06 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không quy định.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

Mẫu số 05. Đề cương Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị

A. THUYẾT MINH

Phần I. Mở đầu

1. Sự cần thiết.
2. Căn cứ pháp lý.
3. Phạm vi lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.

Phần II. Nội dung báo cáo

1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị (Áp dụng đối với báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực mở rộng của đô thị theo quy hoạch đô thị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định này).

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt.

3. Đánh giá trình độ phát triển đô thị quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, nội dung đánh giá như sau:

- Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;
- Mức độ đô thị hóa của đô thị;
- Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;
- Tổng hợp thông tin, số liệu, đánh giá mức độ đáp ứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị loại II hoặc loại III (Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị).

4. Tóm tắt kế hoạch phát triển đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

Phần III. Kết luận và kiến nghị

B. PHỤ LỤC

1. Văn bản pháp lý:

- Các quyết định phê duyệt quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu;
- Các quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị (nếu có);
- Các văn bản khác có liên quan đến định hướng phát triển đô thị trên địa bàn.

2. Ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm: bản đồ phạm vi lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị (01 bản); bản đồ hiện trạng xây dựng và vị trí công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đang triển khai thực hiện tại đơn vị hành chính trong đô thị (01 bản); các bản đồ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết trong đó thể hiện rõ định hướng phát triển không gian, sử dụng đất tại khu vực đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị.

4. Bảng biểu số liệu liên quan (số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố).

Mẫu số 07. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Của Hội đồng thẩm định liên ngành về Đề án công nhận đô thị/Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị ... [Ghi tên tỉnh; Ghi tên đô thị trực thuộc tỉnh/thành phố đối với đô thị loại II, loại III/Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc đô thị] là đô thị loại/đạt trình độ phát triển trong đô thị loại ... [Ghi loại đô thị]

Các nội dung chi tiết gồm:

1. Sự cần thiết phân loại đô thị.
2. Căn cứ pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.
3. Trình tự thủ tục lập và thành phần hồ sơ đề án/báo cáo.
4. Góp ý cụ thể vào các nội dung của đề án/báo cáo.
5. Điểm đánh giá trung bình của các thành viên Hội đồng thẩm định liên ngành.
6. Kết luận, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
-
- Lưu: VT,...²,...³.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH⁴**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ghi rõ chức danh, tên người ký)

¹ Đối với trường hợp thẩm định công nhận đô thị loại I: Bộ Xây dựng; đối với trường hợp thẩm định công nhận đô thị loại II, III và Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

² Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

³ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

⁴ Sử dụng dấu của Bộ Xây dựng đối với đô thị loại I; sử dụng dấu của cơ quan chuyên môn được giao là thường trực Hội đồng thẩm định liên ngành đối với đô thị loại II, III; sử dụng dấu của Sở Xây dựng đối với Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.

Mẫu số 06. Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận ... [Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã] trong... [Ghi tên đô thị] thuộc tỉnh/thành phố ... [Ghi tên tỉnh, thành phố] đạt trình độ phát triển trong đô thị loại ... [Ghi loại trình độ phát triển đô thị]

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan] về phân loại đô thị];

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức];

Xét đề nghị của ... [Cơ quan trình báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị] ... tại Tờ trình ... [Ghi số Tờ trình và ngày tháng năm];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ... [Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã] trong... [Ghi tên đô thị] thuộc tỉnh/thành phố ... [Ghi tên tỉnh, thành phố] đạt trình độ phát triển đô thị đơn vị hành chính trong đô thị loại ... [Ghi loại đô thị].

Điều 2. Phạm vi ranh giới công nhận ... [Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã] có tổng diện tích tự nhiên là ... [Ghi cụ thể diện tích theo ranh giới hành chính, đơn vị tính là km²]. Dân số năm ... [Ghi theo năm có Tờ trình] là ... người.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Ghi cụ thể các cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định] ... và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ghi rõ chức danh, tên người ký)

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
-
- Lưu: VT,...¹,...².

¹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

² Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).